

## HƯỚNG DẪN TẠM THỜI

**Đánh giá, thẩm định và công nhận xã hoàn thành các chỉ tiêu thuộc Tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới nâng cao (Tiêu chí số 17) và nông thôn mới kiểu mẫu (Tiêu chí số 3) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Công văn số 394/BNN-VPĐP ngày 19/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp tục thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trong năm 2021 và Công văn số 293/UBND-NN ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc triển khai thực hiện Công văn số 394/BNN-VPĐP ngày 19/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 174/QĐ-BCĐ ngày 03/8/2021 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh (gọi tắt là Ban Chỉ đạo tỉnh) ban hành Chương trình công tác năm 2021 về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh;

Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng hướng dẫn tạm thời đánh giá, thẩm định và công nhận xã hoàn thành các chỉ tiêu thuộc **Tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới nâng cao (Tiêu chí số 17) và nông thôn mới kiểu mẫu (Tiêu chí số 3)** trên địa bàn tỉnh Trà Vinh với những nội dung cụ thể như sau:

### I. ĐỐI VỚI XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

#### 1. Đối tượng thực hiện:

Xã đã đạt chuẩn “Xã nông thôn mới và giữ vững bộ tiêu chí xã nông thôn mới” theo Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Bộ Tiêu chí xã Nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 – 2020.

#### 2. Hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu:

Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm bao gồm 11 chỉ tiêu; Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện 06/11 chỉ tiêu liên quan gồm: 17.3; 17.4; 17.6; 17.8, 17.10 và 17.11; Chỉ tiêu 17.1, 17.2, 17.9 thực hiện theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chỉ tiêu 17.5 thực hiện theo hướng dẫn của Sở Xây dựng; Chỉ tiêu 17.7 thực hiện theo hướng dẫn của Sở Y tế.

**2.1. Chỉ tiêu 17.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường** (Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ).

**2.1.1. Tiêu chí đánh giá, thẩm định.**

Để đạt được chỉ tiêu này 100% cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề trên địa bàn xã phải đảm bảo các điều kiện sau:

**a) Có đầy đủ hồ sơ, thủ tục về môi trường, bao gồm:**

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc Đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ tương đương.

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; Giấy phép khai thác, Giấy phép xả thải nước thải vào nguồn nước và các giấy phép có liên quan trong trường hợp thuộc các đối tượng quy định tại các văn bản pháp luật;

- Phương án bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại Chương V Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

**b) Có công trình, biện pháp bảo vệ môi trường:** Cơ sở thực hiện phân loại, thu gom và xử lý chất thải (nước thải, khí thải và chất thải rắn) và các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường; nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đã cam kết tại các hồ sơ nêu trên và theo quy định của pháp luật.

**c) Cơ sở nuôi trồng thủy sản:** Ngoài việc thực hiện các nội dung trên còn phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Nằm trong quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Không sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Không xây dựng khu nuôi trồng thủy sản tập trung trên bãi bồi đang hình thành vùng cửa sông ven biển;

- Không khai phá rừng ngập mặn để nuôi trồng thủy sản.

**d) Các làng nghề trên địa bàn:** Phải đảm bảo:

- Thực hiện đúng quy định về bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư 31/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Ủy ban nhân dân cấp xã lập phương án bảo vệ môi trường cho các làng nghề trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và bố trí nguồn lực thực hiện theo quy định (**Đính kèm Phụ lục 1**).

**2.1.2. Hồ sơ đánh giá, thẩm định gồm:**

- Biên bản của xã về rà soát, đánh giá chỉ tiêu trong đó đánh giá cụ thể tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề trên địa bàn xã.

- Thống kê danh sách cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề trên địa bàn xã (**Đính kèm Phụ lục 2**).

- Quyết định phê duyệt phương án BVMT làng nghề (đối với xã có làng nghề).

**2.2. Chỉ tiêu 17.4. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn** (Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, hỗ trợ).

### **2.2.1. Tiêu chí đánh giá, thẩm định.**

Để đạt chỉ tiêu này, các khu dân cư, khu vực công cộng và mỗi hộ gia đình phải thực hiện đảm bảo những việc sau:

- Tăng cường trồng cây xanh (*bao gồm cả cây bóng mát, cây cảnh, hoa và thảm cỏ,...*) dọc các tuyến đường trong xã, ấp, các nơi công cộng như trụ sở xã, trường học, trạm y tế, chợ,... Diện tích trồng cây xanh phải đảm bảo  $\geq 2,5 \text{ m}^2/\text{người}$  (*nêu rõ đạt bao nhiêu mét vuông/tổng dân số của xã*). Lưu ý không trồng các loại cây thuộc danh mục loài ngoại lai xâm hại theo quy định.

- Các tuyến đường trong xã, ấp đã được bê tông hoá hoặc rải đá cấp phối, đảm bảo không lầy lội khi có mưa.

- Trên **80%** số hộ đã thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh và phải được cắt tỉa gọn gàng không gây cản trở giao thông.

- Thường xuyên thu dọn vệ sinh, rác thải định kỳ, phát quang bụi rậm, khơi thông kênh rạch; đường làng ngõ xóm sạch sẽ và các hộ gia đình giữ gìn vệ sinh chung trong xã.

- Các khu vực công cộng (chợ, đường giao thông, kênh, rạch,...) không có hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn không đúng quy định, gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường.

### **2.2.2. Hồ sơ đánh giá, thẩm định gồm:**

- Biên bản của xã đánh giá xã đạt các yêu cầu của chỉ tiêu 17.3 trong đó đánh giá xã có cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.

- Thống kê số hộ đã thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh trên địa bàn xã (**Đính kèm Phụ lục 3**).

**2.3. Chỉ tiêu 17.6. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định; (trong đó: tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định là  $\geq 70\%$ ; có mô hình, tổ chức phân loại và thu gom rác)** (Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Xây dựng hướng dẫn, hỗ trợ).

### **2.3.1. Tiêu chí đánh giá, thẩm định.**

#### **a) Về chất thải rắn:**

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Có phương án/đề án phù hợp để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến khu xử lý chất thải rắn hợp vệ sinh (*Đơn vị phụ trách thu gom, vận chuyển; Chứng loại, số lượng phương tiện vận chuyển; Tần suất, lịch trình thu gom đối với từng cụm dân cư; Vị trí các điểm trung chuyển; Phương án chôn lấp chất thải rắn hữu cơ tại các hộ gia đình (nếu có)*).

+ Các hộ gia đình phải có thùng hoặc túi đựng rác tại nhà và được đưa đến địa điểm tập kết rác được quy định để tổ chức thu gom, vận chuyển đến khu xử lý tập trung.

+ Các hộ gia đình tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có hệ thống thu gom phải thực hiện xử lý chất thải theo hướng dẫn của chính quyền địa phương, **không được đổ chất thải ra đường, ao hồ, kênh rạch,...**; từng hộ gia đình phải có biện pháp tự xử lý phù hợp như: mô hình phân loại, xử lý tại nguồn (mô hình ủ phân hữu cơ/compost) hoặc hố rác trong khuôn viên đất của gia đình được sử dụng để xử lý. Hố rác phải được bố trí hợp lý đảm bảo vệ sinh không làm ảnh hưởng đến môi trường và các gia đình xung quanh.

+ Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động buôn bán của các tiểu thương tại chợ phải được quét dọn, thu gom, xử lý đúng quy định hàng ngày; không được vứt xuống sông, kênh, rạch hoặc hình thành bãi rác tự phát trong khu vực chợ.

+ Xã phải có mô hình, tổ chức phân loại và thu gom rác (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng). Đối với các khu vực vùng sâu, vùng xa chưa có tổ chức thu gom, vận chuyển, từng hộ gia đình phải có hố rác trong khuôn viên đất của gia đình để xử lý; hố rác phải được bố trí hợp lý đảm bảo vệ sinh không làm ảnh hưởng đến môi trường và các gia đình xung quanh. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định  $\geq 70\%$ .

Cách tính tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý:

+ Thống kê tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn hàng ngày: A (kg/ngày) = số dân của xã x 0,45kg/người/ngày

+ Thống kê tổng lượng rác thải sinh hoạt hàng ngày được tổ chức thu gom, vận chuyển đến khu xử lý tập trung: B (kg/ngày) = tổng số nhân khẩu tại các hộ tham gia dịch vụ x 0,45kg/người/ngày

+ Thống kê tổng lượng rác thải sinh hoạt hàng ngày do hộ gia đình tham gia mô hình phân loại, xử lý tại nguồn (mô hình ủ phân compost): C (kg/ngày) = tổng số nhân khẩu tại các hộ tham gia mô hình x 0,45kg/người/ngày

+ Thống kê tổng lượng rác thải sinh hoạt hàng ngày do hộ gia đình xử lý bằng hố chôn rác đảm bảo hợp vệ sinh: D (kg/ngày) = tổng số nhân khẩu tại các hộ có hố chôn hợp vệ sinh x 0,45kg/người/ngày

Lượng rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý trên địa bàn xã mỗi ngày theo công thức sau:

$$\frac{A}{B + C + D} \text{ Đạt } \geq 70\%$$

- Chất thải rắn nông nghiệp: Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng phát sinh trên địa bàn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT; không để xảy ra tình trạng vứt, thải bừa bãi ra môi trường, đặc biệt là tại các khu vực trồng trọt, các nguồn nước kinh, rạch, sông, hồ (*theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*).

- Phân loại, phân định, thu gom riêng, cách ly phù hợp toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh (*đặc biệt là chất thải nguy hại phát sinh từ làng nghề gia công cơ, kim khí, tái chế phế liệu,...*) trên địa bàn theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chất thải rắn y tế: Phải được phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT (*theo hướng dẫn của Sở Y tế*).

#### ***b) Về nước thải:***

- Mỗi khu dân cư tập trung của ấp, xã phải có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải đảm bảo nhu cầu tiêu thoát nước của khu vực, có điểm thu gom và xử lý nước thải phù hợp trước khi thải ra kênh, mương, sông, rạch, hồ, ao; **không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng**; Thu gom được lượng nước thải phát sinh từ 80% các hộ, cơ sở trên địa bàn.

- Đối với khu vực không thể xây dựng hệ thống tiêu thoát nước tập trung (*do địa hình khó khăn*), hộ gia đình phải có công trình thu gom và xử lý nước thải như bể tự hoại hoặc hố ga lắng cặn trước khi thải ra môi trường. **Nước thải hộ gia đình không chảy tràn, đổ thải bừa bãi ra đường làng, ngõ xóm, không tạo thành các vũng, ao tù nước đọng.**

- Đối với nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh và chăn nuôi: thực hiện theo quy định tại chỉ tiêu 17.3 và 17.8.

***c) Có hương ước, quy ước về bảo vệ môi trường:*** Hương ước, quy ước có nội dung về bảo vệ môi trường đối với từng khu dân cư với sự tham gia của các hộ gia đình; trình tự thủ tục thực hiện hương ước, quy ước và được UBND cấp huyện phê duyệt theo đúng quy định tại Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ (*hương ước, quy ước về bảo vệ môi trường có thể xây dựng riêng hoặc lồng ghép với quy ước văn hoá các ấp*).

#### ***2.3.2. Hồ sơ đánh giá, thẩm định gồm:***

Biên bản của xã về rà soát, đánh giá chỉ tiêu bao gồm 2 nội dung: đánh giá công tác thu gom, xử lý nước thải và đánh giá công tác xử lý chất thải rắn trên địa bàn xã.

- Quyết định của UBND cấp huyện phê duyệt Hương ước, Quy ước.

- Bảng báo cáo tình hình quản lý chất thải rắn, nước thải trên địa bàn xã (**Đính kèm Phụ lục 4**).

Bảng thống kê tình hình quản lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã (**đính kèm phụ lục 5**).

**2.4. Chỉ tiêu 17.8. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, hỗ trợ)**

**2.4.1. Tiêu chí đánh giá, thẩm định:** Xã đạt chỉ tiêu số 17.7 phải có tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường từ **80%** trở lên/tổng số hộ có chăn nuôi toàn xã; các cơ sở, hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi phải đảm bảo các yêu cầu như sau:

- Nằm cách biệt với nhà ở, nguồn nước, cụ thể:
  - + Phải cách nhà ở và đường đi chung ít nhất 5m; cuối hướng gió và phải có hố chứa phân, rác, thoát nước thải đảm bảo vệ sinh môi trường.
  - + Đối với chăn nuôi gia súc: Khoảng cách từ trang trại đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thường xuyên tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt tối thiểu 100m; cách nhà máy chế biến, giết mổ tối thiểu 01km.
  - + Đối với chăn nuôi gia cầm: Cơ sở chăn nuôi gia cầm phải xây dựng cách biệt, cách xa bệnh viện, trường học, chợ, công sở và khu dân cư đông người và đường giao thông liên tỉnh, liên huyện ít nhất 100m.
- Được vệ sinh định kỳ bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh.
- Không phát sinh mùi hôi thối khó chịu gây ảnh hưởng đến dân cư xung quanh.
- Có đủ hồ sơ, thủ tục về bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh theo đúng quy định.
- Chất thải chăn nuôi phải được thu gom và xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT; không để chất thải chăn nuôi chưa xử lý xả, chảy tràn ra khu vực xung quanh.

**2.4.2. Hồ sơ đánh giá, thẩm định gồm:**

- Biên bản của xã đánh giá xã đạt các yêu cầu của chỉ tiêu 17.8.
- Bảng tổng hợp hiện trạng các cơ sở chăn nuôi, hộ gia đình trên địa bàn xã (**đính kèm Phụ lục 6**).

**2.5. Chỉ tiêu 17.10. Tất cả các cơ quan, tổ chức (công lập và dân lập) đóng trên địa bàn xã phải đảm bảo xanh – sạch – đẹp (trồng cây xanh, thường xuyên vệ sinh, thu gom rác thải,...) (Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, hỗ trợ).**

**2.5.1. Tiêu chí đánh giá, thẩm định:** Xã đạt chỉ tiêu số 17.10 khi các cơ quan, đơn vị, tổ chức (*gọi tắt là cơ quan*) đóng trên địa bàn xã thường xuyên, định kỳ hàng tuần thực hiện tổng vệ sinh, thu gom rác thải, trồng cây xanh, cây cảnh,... đảm bảo môi trường khu vực xung quanh cơ quan xanh – sạch – đẹp.

**2.5.2. Hồ sơ đánh giá, thẩm định gồm:**

- Biên bản của xã đánh giá từng cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn xã đạt yêu cầu về xây dựng cảnh quan môi trường xanh – sạch – đẹp.

- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền công nhận các cơ quan đóng trên địa bàn xã đạt chuẩn văn hóa (nếu có).

**2.6. Chỉ tiêu 17.11.** Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có), phải đảm bảo xa khu dân cư và được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh bao bọc xung quanh.

**2.6.1. Tiêu chí đánh giá, thẩm định:**

Bãi chôn lấp (khu xử lý rác thải) tập trung của xã (nếu có) phải có khoảng cách đến khu dân cư; xung quanh được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh có tác dụng che chắn đảm bảo mỹ quan, ngăn chặn phát tán mùi. Trong đó:

- Đối với bãi chôn lấp rác đầu tư mới phải đảm bảo khoảng cách  $\geq 3.000$  m đối với bãi chôn lấp nhỏ và vừa (diện tích  $< 30$  ha),  $\geq 5.000$  m đối với bãi chôn lấp lớn (diện tích từ 30 ha đến dưới 50 ha);

- Đối với bãi chôn lấp rác đã đầu tư trước đây khoảng cách có thể nhỏ hơn quy định nêu trên, tuy nhiên ngoài việc trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh bao bọc xung quanh. Đồng thời phải được quản lý, vận hành, thường xuyên phun xịt chế phẩm... đảm bảo vệ sinh môi trường, không ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

**2.6.2. Hồ sơ đánh giá, thẩm định:**

- Biên bản của xã đánh giá khu xử lý rác thải tập trung của xã.

- Danh sách Bãi chôn lấp (khu xử lý rác thải) tập trung (*đính kèm phụ lục 7*).

## II. ĐỐI VỚI XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU

### 1. Đối tượng thực hiện:

Xã đã đạt chuẩn “xã nông thôn mới nâng cao và giữ vững bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao” theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 – 2020.

### 2. Nội dung thực hiện các chỉ tiêu môi trường:

Để xã đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu, đối với tiêu chí Môi trường cần thực hiện đạt 06 chỉ tiêu chung.

#### 2.1. Tiêu chí chung về môi trường

**2.1.1. Chỉ tiêu 3.1. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt từ 90% trở lên.**

*a) Tiêu chí đánh giá, thẩm định.*

Vận dụng nội dung hướng dẫn tại Điểm 2.3 Mục I, đánh giá tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định (*gồm các loại chính: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn nông nghiệp (nguy hại), chất thải rắn y tế và chất thải rắn công nghiệp*). Tỷ lệ cần đạt  $\geq 90\%$ .

Thống kê khối lượng phát sinh, khối lượng được thu gom, xử lý theo từng loại chất thải rắn; tính tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý, đạt khi  $\geq 90\%$ .

***b) Hồ sơ đánh giá, thẩm định gồm:***

- Biên bản của xã đánh giá xã đạt các yêu cầu của chỉ tiêu, trong đó đánh giá tính tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý và công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn xã đạt yêu cầu tiêu chí.

- Đính kèm các Hợp đồng thu gom, xử lý chất thải như: chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt,...

- Quyết định của UBND cấp huyện phê duyệt Hương ước, Quy ước.

- Bảng báo cáo tình hình quản lý chất thải rắn, nước thải trên địa bàn xã (*theo mẫu Phụ lục 4*).

**2.1.2. Chỉ tiêu 3.2. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom, phân loại và áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 50% trở lên.**

***a) Tiêu chí đánh giá, thẩm định.***

Vận dụng nội dung hướng dẫn tại Điểm 2.3.1 Mục I, đánh giá tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và phân loại, áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp. Tỷ lệ cần đạt  $\geq 50\%$ .

***b) Hồ sơ đánh giá, thẩm định gồm:***

- Biên bản của xã đánh giá xã đạt tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và phân loại, áp dụng các biện pháp phù hợp.

- Bảng thống kê tình hình quản lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã (*theo mẫu phụ lục 5*).

**2.1.3. Chỉ tiêu 3.3. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.**

***a) Tiêu chí đánh giá, thẩm định***

Vận dụng nội dung hướng dẫn tại Điểm 2.4 Mục I để thực hiện. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt cần đạt  $\geq 90\%$ .

***b) Hồ sơ đánh giá, thẩm định gồm:***

- Biên bản của xã đánh giá xã đạt các yêu cầu của chỉ tiêu.

- Bảng tổng hợp hiện trạng các cơ sở chăn nuôi, hộ gia đình trên địa bàn xã (*theo mẫu Phụ lục 6*).

**2.1.4. Chỉ tiêu 3.4. 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững**

***a) Tiêu chí đánh giá, thẩm định***

Vận dụng nội dung hướng dẫn Điểm 2.1 Mục I để thực hiện, trong đó nêu rõ các công trình, biện pháp BVMT: thực hiện xử lý rác thải, nước thải của từng cơ sở đạt hay không đạt.

***b) Hồ sơ đánh giá, thẩm định gồm:***

- Biên bản của xã về rà soát, đánh giá chỉ tiêu, trong đó nêu rõ, cụ thể các công trình, biện pháp BVMT: thực hiện xử lý rác thải, nước thải của từng cơ sở là gì, đạt hay không đạt.

- Thống kê danh sách cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề trên địa bàn xã (*theo mẫu Phụ lục 2*).

- Quyết định phê duyệt phương án BVMT làng nghề (đối với xã có làng nghề).

**2.1.5. Chỉ tiêu 3.5. Có mô hình bảo vệ môi trường (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng**

***a) Tiêu chí đánh giá, thẩm định.***

- Đánh giá hiệu quả mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm, tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng, kết quả đạt được sau khi thực hiện mô hình so với trước đây.

- Số liệu về câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường đang hoạt động;

- Đánh giá nội dung làm việc, hiệu quả thu hút sự tham gia của cộng đồng.

- Tối thiểu có 04 chương trình được tổ chức hàng năm (tương ứng với các ngày lễ, ngày môi trường thế giới...); tổng lượt người tham gia trong năm (trong đó số hộ dân tham gia, tiếp cận được với thông tin và tự giác thực hiện việc giữ gìn vệ sinh môi trường tại nơi sinh sống và sản xuất).

***b) Hồ sơ đánh giá, thẩm định gồm:***

- Biên bản của xã đánh giá mô hình, câu lạc bộ, ... về bảo vệ môi trường hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng.

- Danh sách mô hình bảo vệ môi trường (*đính kèm phụ lục 8*).

**2.1.6. Chỉ tiêu 3.6. Có từ 60% trở lên số tuyến đường xã, ấp có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến: Đạt**

***a) Tiêu chí đánh giá, thẩm định.***

Thực hiện đánh giá tiêu chí thông qua hình thức tính điểm đối với tuyến đường tương tự như đánh giá “Tiêu chuẩn tuyến đường xanh - sạch - đẹp” theo thang điểm 100. Kết quả thực hiện đạt từ 80 điểm trở lên sẽ đạt “Tiêu chuẩn tuyến đường xanh - sạch - đẹp”. Với một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Không có rác thải trên toàn tuyến đường, có thùng rác hợp vệ sinh tại tuyến đường, bố trí thùng rác phù hợp, có đơn vị thu gom rác đúng quy định: *20 điểm*.

- Có cây xanh, cây cảnh, bó vỉa cây xanh được thiết kế thẩm mỹ: *20 điểm*.

- Không có tình trạng ứ đọng nước thải trên toàn tuyến đường: *15 điểm*.

- Không có những mẫu quảng cáo sai quy định, không viết, vẽ bậy lên tường: *15 điểm.*

- Các hộ gia đình biết việc tổ chức xây dựng tuyến đường xanh - sạch - đẹp và cùng tham gia thực hiện: *15 điểm.*

- Hành lang và khu vực công cộng phải đảm bảo có hệ thống chiếu sáng, vỉa hè thông thoáng sạch đẹp: *15 điểm.*

***b) Hồ sơ đánh giá, thẩm định gồm:***

- Biên bản của xã đánh giá số tuyến đường “Tiêu chuẩn tuyến đường xanh - sạch - đẹp”, kèm theo Quyết định công nhận của cấp có thẩm quyền;

- Thống kê tất cả các tuyến đường trên địa bàn xã để đánh giá tuyến đường có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến (***đính kèm phụ lục 9***).

**2.2. Tiêu chí kiểu mẫu về Môi trường**

Trường hợp xã lựa chọn xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu về Môi trường thì phải đảm bảo đạt 04 chỉ tiêu, trong đó Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện 02 chỉ tiêu 3.3, 3.4; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện 02 chỉ tiêu 3.1, 3.2.

**2.2.1. Chỉ tiêu 3.3 Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom, phân loại và áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 60% trở lên.**

Vận dụng nội dung hướng dẫn tại Điểm 2.1.2 Mục II, đánh giá tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và phân loại, áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp. Tỷ lệ cần đạt  $\geq 60\%$ .

**2.2.2. Chỉ tiêu 3.4 Tỷ lệ hộ dân xây dựng cảnh quan môi trường, nơi ở sáng – xanh – sạch – đẹp:  $\geq 90\%$ .**

***a) Tiêu chí đánh giá, thẩm định.***

Có từ 90% hộ gia đình trở lên xây dựng cảnh quan môi trường, nơi ở sáng – xanh – sạch – đẹp, tham gia trồng cây xanh (*bao gồm cả cây bóng mát, cây cảnh, hoa và thảm cỏ, ...*) trong khuôn viên đất gia đình và dọc tuyến đường; thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh và phải được cắt tỉa gọn gàng không gây cản trở giao thông; dọn vệ sinh, rác thải nơi sinh sống, không có hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn không đúng quy định, gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường.

***b) Hồ sơ đánh giá, thẩm định gồm:***

- Biên bản của xã đánh giá xã đạt các yêu cầu của chỉ tiêu 3.4.

- Bảng thống kê số hộ dân xây dựng cảnh quan môi trường, nơi ở sáng – xanh – sạch – đẹp (***đính kèm phụ lục 10***).

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Đối với UBND cấp huyện**

Đề nghị UBND cấp huyện chỉ đạo:

- Phổ biến, tổ chức thực hiện Hướng dẫn này tới các xã và các phòng ban chuyên môn, các tổ chức chính trị xã hội đoàn thể.

- Đối với các xã đăng ký hoàn thành nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trong năm 2021:

+ Chỉ đạo rà soát kết quả thực hiện các chỉ tiêu thuộc Tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới nâng cao (Tiêu chí số 17), nông thôn mới kiểu mẫu (Tiêu chí số 3) đảm bảo đạt các yêu cầu; hoàn thành các nội dung theo Hướng dẫn báo cáo về Phòng Tài nguyên và Môi trường.

+ Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức đánh giá, thẩm định. Trường hợp xã hoàn thành các nội dung theo Hướng dẫn. Gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, thẩm định (có thể gửi file scan hoặc file mềm như bản in lưu hồ sơ lưu tại xã) kèm theo báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu về Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, cho ý kiến thẩm định.

## **2. Đối với UBND các xã đăng ký hoàn thành nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trong năm 2021**

- Phổ biến, tổ chức thực hiện Hướng dẫn này tới các ấp, khóm trên địa bàn.

- Lập hồ sơ, gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường đề nghị công nhận xã hoàn thành tiêu chí môi trường xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Hồ sơ bao gồm:

+ Tờ trình của xã đề nghị thẩm tra, xét công nhận xã đạt tiêu chí môi trường.

+ Báo cáo việc thực hiện các yêu cầu về tiêu chí môi trường trên địa bàn, đính kèm các hồ sơ chứng minh như: Các biên bản đánh giá xã đạt tiêu chí đối với các chỉ tiêu trong Hướng dẫn; Các biểu mẫu đi kèm theo hướng dẫn đối với từng chỉ tiêu.

- Đề nghị UBND cấp xã thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong công tác hướng dẫn, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, kiến nghị về bảo vệ môi trường theo quy định. Trường hợp cơ sở vi phạm các quy định pháp luật về môi trường, thực hiện xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường cho cộng đồng; vận động nhân dân sử dụng nước sạch, giữ gìn vệ sinh môi trường, thực hiện nếp sống văn hóa ở khu dân cư.

- Khuyến khích các ấp, khóm thành lập tổ tự quản môi trường, ban hành quy chế hoạt động và thực hiện hương ước, quy ước về bảo vệ môi trường.

- UBND cấp xã rà soát kết quả thực hiện các chỉ tiêu thuộc Tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới nâng cao (Tiêu chí số 17), nông thôn mới kiểu mẫu (Tiêu chí số 3) đảm bảo đạt các yêu cầu theo Hướng dẫn. Báo cáo kết quả thực hiện về Phòng Tài nguyên và Môi trường để tổ chức đánh giá, thẩm định.

Trên đây là hướng dẫn tạm thời của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đánh giá, thẩm định và công nhận xã hoàn thành các chỉ tiêu thuộc **Tiêu chí môi**

**trường trong xây dựng nông thôn mới nâng cao (Tiêu chí số 17) và nông thôn mới kiểu mẫu (Tiêu chí số 3) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.**

Sở Tài nguyên và Môi trường kính gửi Quý cơ quan đề biết và thực hiện đúng quy định.

Trân trọng kính gửi./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (b/c);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (chi đạo);
- Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Sở: NN&PTNT, Y tế, Xây dựng (p/h);
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh;
- GD Sở (b/c);
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng TNMT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, MT.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Quốc Tuấn**

**Phụ lục 1**

**MẪU PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ**

*(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-STNMT ngày tháng năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

(ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN...)  
(ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ...)

**PHƯƠNG ÁN  
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ ...(1)...**  
**tại xã... huyện... tỉnh...**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ...  
(Chủ tịch UBND xã ký, ghi họ tên,  
đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN...  
(Người đại diện có thẩm quyền ký,  
ghi họ tên, đóng dấu)

(Địa danh), Tháng... năm...

*Ghi chú:*

*(1) Tên đầy đủ, chính xác của làng nghề lập phương án.*

## **CHƯƠNG 1. MÔ TẢ TÓM TẮT VỀ LÀNG NGHỀ**

### **1.1. Tên làng nghề**

Nêu đầy đủ, chính xác tên làng nghề lập phương án.

### **1.2. Thông tin chung**

- Địa chỉ làng nghề: nêu rõ thuộc xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nào.

- Mô tả vị trí địa lý của làng nghề: nêu cụ thể vị trí thuộc địa bàn của đơn vị hành chính từ cấp thôn và/hoặc xã trở lên; tọa độ các điểm khống chế vị trí của làng nghề kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí các điểm khống chế đó.

- Mô tả sơ bộ điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội có khả năng bị ảnh hưởng bởi hoạt động sản xuất của làng nghề (sông suối, hồ ao, dân cư...).

- Mô tả nguồn tiếp nhận nước thải làng nghề: tên nguồn, mục đích sử dụng.

- Nguồn nước cấp cho sinh hoạt và sản xuất (giếng khoan, nước khai thác bề mặt, nước cấp).

- Bản đồ hoặc sơ đồ đính kèm để minh họa vị trí địa lý của làng nghề và các đối tượng xung quanh như đã mô tả (nếu có).

### **1.3. Quy mô sản xuất**

- Loại hình sản xuất: loại hình sản xuất chính, các loại hình khác (nếu có).

- Số cơ sở sản xuất/tổng số hộ trong làng nghề (đối với các làng đa nghề thì thống kê theo từng loại ngành nghề). Lập danh mục cụ thể đính kèm.

- Sản phẩm sản xuất: liệt kê các sản phẩm chính sản xuất của làng nghề; tổng số sản phẩm chính sản xuất/ngày.

## **CHƯƠNG 2. TÌNH TRẠNG PHÁT SINH CHẤT THẢI VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÃ THỰC HIỆN**

### **2.1. Phát sinh chất thải của làng nghề**

- Sinh hoạt:

+ Nước thải: tổng lượng trung bình phát sinh ( $m^3/ngày$ );

+ Chất thải rắn: tổng lượng phát sinh ( $kg/ngày$ ).

- Sản xuất:

+ Nước thải: tổng lượng phát sinh ( $m^3/ngày$ , tính vào thời điểm sản xuất cao nhất);

+ Chất thải rắn nguy hại và thông thường: tổng lượng phát sinh ( $kg/ngày$ );

+ Mô tả hoạt động phát sinh khí thải: mức độ phát thải (định tính/định lượng nếu có);

- Đánh giá hiện trạng ô nhiễm môi trường xung quanh (đất, nước, không khí) và tác động tới sức khỏe cộng đồng.

### **2.2. Các hoạt động bảo vệ môi trường đã thực hiện**

- Mô tả hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải (nếu có) tại làng nghề.

- Biện pháp thu gom chất thải rắn hiện nay, phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại của làng nghề.
- Biện pháp, công trình xử lý khí thải.
- Các biện pháp bảo vệ môi trường khác.
- Thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, chất thải rắn; phí vệ sinh môi trường.
- Kinh phí phân bổ thực hiện công tác bảo vệ môi trường làng nghề.
- Thành lập và vận hành tổ tự quản về bảo vệ môi trường làng nghề (số lượng nhân sự, cơ chế vận hành).
- Tổng vệ sinh đường làng ngõ xóm, nạo vét kênh mương.
- Việc đưa nội dung về bảo vệ môi trường làng nghề vào hương ước, quy ước.
- Đánh giá hiệu quả thực hiện của các biện pháp nêu trên và so sánh với quy định hiện hành.

### **CHƯƠNG 3. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

#### **3.1. Kế hoạch quản lý các cơ sở sản xuất trong làng nghề (theo báo cáo về các biện pháp bảo vệ môi trường, các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở)**

- Các cơ sở thuộc danh mục quy định tại Phụ lục I Nghị định số 19/2015/NĐ-CP thực hiện theo báo cáo về các biện pháp bảo vệ môi trường.
- Các cơ sở không thuộc ngành nghề được khuyến khích phát triển tại làng nghề thực hiện quy định tại Chương IV Thông tư này hoặc tuân thủ kế hoạch di dời, chuyển đổi ngành nghề sản xuất theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

#### **3.2. Thu gom và xử lý chất thải**

##### *3.2.1. Đối với nước thải*

- Đối với các làng nghề đã có công trình thu gom, xử lý (nếu có) chất thải tại mục 2.2, đề nghị hoàn thiện cải tạo, nâng cấp đảm bảo thu gom, xử lý nước thải các cơ sở trên địa bàn.
- Kế hoạch vận hành các công trình thu gom, xử lý nước thải.

##### *3.2.2. Đối với chất thải rắn (tương tự nước thải)*

##### *3.2.3. Biện pháp kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người lao động*

#### **3.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố, rủi ro**

##### *3.3.1. Đối với an toàn lao động tại các cơ sở sản xuất trong làng nghề*

- Trang bị bảo hộ lao động; kiến thức về phòng, chống sự cố cháy nổ cho nhân công lao động làm việc trực tiếp tại khu vực sản xuất.
- Bảo dưỡng các thiết bị kỹ thuật đảm bảo vận hành an toàn, đúng kỹ thuật.

##### *3.3.2. Đối với an toàn môi trường lao động tại các cơ sở sản xuất trong làng nghề*

- Đối với các công đoạn có khả năng xảy ra sự cố cao như lò hơi, hóa chất, lò nung... phải có thiết bị bảo vệ, phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố.
- Bố trí các thiết bị, máy móc tại nơi làm việc đảm bảo an toàn người lao động, phòng ngừa các sự cố có thể xảy ra.

## **CHƯƠNG 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ**

### **4.1. Kinh phí thực hiện**

Nêu rõ việc bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường và các nguồn kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường làng nghề.

### **4.2. Phân công trách nhiệm**

- Trách nhiệm của các cơ sở sản xuất tại làng nghề.
- Trách nhiệm của tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường làng nghề.
- Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã.

## **KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT**

### **1. Kết luận**

Phải kết luận rõ:

- Đã nhận dạng, mô tả được các nguồn thải và tính toán được các loại chất thải, nhận dạng và mô tả được các vấn đề về môi trường và kinh tế - xã hội.
- Tính hiệu quả và khả thi của các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; giải quyết được các vấn đề về môi trường và kinh tế - xã hội phát sinh từ hoạt động sản xuất của làng nghề.

### **2. Kiến nghị**

Kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan ở trung ương và địa phương để giải quyết các vấn đề vượt quá khả năng giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.

### **3. Cam kết**

- Cam kết thực hiện đúng nội dung, tiến độ xây dựng, cải tạo và vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.
- Cam kết thực hiện đúng chế độ báo cáo tại quyết định phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề.
- Cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan đến làng nghề, kể cả các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.
- Cam kết theo dõi và thực hiện đúng các quy định về xử phạt các cơ sở sản xuất trong làng nghề nếu để xảy ra các sự cố.

**Phụ lục 2**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bảng thống kê danh sách cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề**  
**(Tính đến ngày..... tháng ..... năm .....)**

*(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-STNMT ngày tháng năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ (ấp...)	Tên chủ đầu tư	Ngành nghề SXKDDV	Thủ tục pháp lý về môi trường (QĐ/số giấy xác nhận, ngày cấp, CQ cấp ...)	Các công trình, biện pháp BVMT
1	2	3	4	5	6	7
1	Cơ sở A	Ấp A	Trần Văn A	Sản xuất nước đá	<i>Ví dụ: Quyết định số 113/QĐ-UBND, ngày 10/10/2010 của...</i>	<i>Hầm tự hoại, thùng chứa rác,..</i>
1	Cơ sở B	Ấp B	Trần Thị H	Sản xuất chăn nuôi heo	<i>Ví dụ: Giấy xác nhận số 12/GXN-UBND, ngày 10/2/2016 của .....</i>	<i>Hệ thống XLNT</i>

**Ghi chú:**

- Cột 6: “**Thủ tục pháp lý về môi trường**”: Liệt kê rõ hồ sơ môi trường cơ sở được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt/xác nhận như: số Quyết định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy xác nhận, Bản cam kết bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc đơn giản.
- Cột 7: **Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường** như: Hầm Biogas, bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải,...

**Lập bảng**

**UBND xã.....**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục 3**

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-STNMT ngày tháng năm 2021  
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng... năm.....

**DANH SÁCH**

**Thống kê hộ thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào cây xanh  
được cắt tỉa gọn gàng không gây cản trở giao thông**

TT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ (ấp)	Kết quả thực hiện		Ghi chú
			Đạt	Không đạt	
1					
2					
...					
n					

\* Cập nhật tất cả hộ gia đình trên địa bàn xã, qua đó đánh giá tỷ lệ

**Phụ lục 4**

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-STNMT ngày tháng năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
....., ngày ... tháng ... năm.....

**Báo cáo tình hình xử lý chất thải rắn, nước thải**

STT	Nội dung	Đánh giá, kết quả
<b>1</b>	<b>Bãi rác xã</b>	
	Địa chỉ	Ấp, xã
	Tình trạng	Ví dụ: Tự phát, hay theo quy hoạch
	Khoảng cách đến khu dân cư gần nhất	
<b>2</b>	<b>Xã có thực hiện thu gom, vận chuyển rác (VCR)</b>	
	Tên đơn vị thu gom, VCR	
	Tần suất thu gom (số ngày/1 lần)	
	Phương tiện thu gom	
	Công nghệ xử lý rác	Ví dụ: Thu gom về bãi rác tập trung; chôn lấp; đốt,...
<b>3</b>	<b>Xã chưa có thực hiện thu gom, vận chuyển rác (VCR)</b>	
	Hình thức xử lý rác thải	Ví dụ: Chính quyền hướng dẫn hộ dân đào hố thu gom rác; đốt rác; chôn lấp; ủ phân hữu cơ
	Hộ dân có đổ chất thải ra đường, sông rạch, ao, hồ	Có /không
<b>4</b>	<b>Hình thức thu gom, xử lý bao bì thuốc BVTV</b>	Hồ thu gom
<b>5</b>	<b>Khu dân cư tập trung của ấp, xã có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải</b>	Có /không
	Tỷ lệ thu gom lượng nước thải phát sinh từ các hộ gia đình, cơ sở trên địa bàn (%)	
	Trên địa bàn xã có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng	Có /không
	Tỷ lệ hộ gia đình có công trình thu gom và xử lý nước thải (bể tự hoại, hố ga lắng cặn) (%)	
	Nước thải hộ gia đình có đổ thải bừa bãi ra đường, tạo các vũng ao tù, nước đọng	Có /không
<b>6</b>	<b>Có hương ước, quy ước về bảo vệ môi trường</b>	Có /không

**Lập**  
**bảng**

**UBND Xã...**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

## PHỤ LỤC 5

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-STNMT ngày tháng năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

ỦY BAN NHÂN DÂN  
 XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**BẢNG THỐNG KÊ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CHẤT THẢI SINH HOẠT CỦA TỪNG HỘ GIA ĐÌNH**  
 XÃ.....HUYỆN.....

TT	Hộ gia đình	Địa chỉ (ấp)	Chưa có biện pháp xử lý phù hợp (đánh dấu X)	Số hộ có biện pháp xử lý phù hợp		Biện pháp xử lý phù hợp						
						Được đơn vị thu gom, đưa đi xử lý		Tham gia mô hình phân loại, xử lý rác tại nguồn		Số hộ có hồ chôn rác đảm bảo hợp vệ sinh		
						Tổng số hộ	Tổng nhân khẩu	Số hộ	Nhân khẩu	Số hộ	Nhân khẩu	Số hộ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
1	A											
2	B											
3	C		X									
...												
n												
<b>Tổng</b>												

\* Ghi chú:

- Hộ được đánh dấu X vào cột (4) thì các cột còn lại là 0;
- Cột số hộ: Có ghi (1); Chưa có ghi (0) vào cột tương ứng;
- Cột (5) = (7) + (9) + (11);
- Cột (6) = (8) + (10) + (12).

**Phụ lục 6**

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-STNMT ngày tháng năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng... năm 20...

**Bảng tổng hợp hiện trạng các cơ sở chăn nuôi, hộ gia đình trên địa bàn****xã.....huyện.....***(Tính đến ngày..... tháng..... năm.....)*

STT	Tổng số cơ sở, hộ gia đình chăn nuôi	Trong đó:				Số hộ thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường, trong đó:				Đánh giá đảm bảo vệ sinh môi trường (Đạt/không đạt)	
		Chăn nuôi heo	Chăn nuôi Gia cầm	Chăn nuôi Trâu, bò	Chăn nuôi Dê (loài khác)	Số hộ không có công trình xử lý thải trực tiếp ra môi trường (Hộ)	Số hộ có hầm Biogas (Hộ)	Số hộ có ủ phân, (Hộ)	Số hộ đệm lót sinh học,... (Hộ)	Số hộ đạt (không phát sinh mùi hôi gây ảnh hưởng môi trường xung quanh, chất thải, nước thải được thu gom, xử lý đúng quy định) (Hộ)	Số hộ chưa đạt (có phát sinh mùi hôi gây ảnh hưởng môi trường xung quanh; chất thải, nước thải trực tiếp ra môi trường) (Hộ)
1											

**Lập bảng****UBND xã.....**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục 7**

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-STNMT ngày tháng năm 2021  
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng... năm.....

**DANH SÁCH**  
**Khu xử lý chất thải rắn tập trung**

<b>TT</b>	<b>Tên khu xử lý</b>	<b>Địa chỉ (ấp)</b>	<b>Diện tích</b>	<b>Khoảng cách đến khu dân cư</b>	<b>Ghi chú</b>
1					
2					

**Phụ lục 8**

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-STNMT ngày tháng năm 2021  
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng... năm.....

**DANH SÁCH**  
Mô hình bảo vệ môi trường

<b>TT</b>	<b>Tên mô hình/Câu lạc bộ</b>	<b>Số thành viên trong tổ, nhóm, đội, Câu lạc bộ</b>	<b>Hoạt động đã triển khai, địa điểm triển khai</b>	<b>Thời gian triển khai</b>	<b>Số lượt người dân tham gia</b>
1					
2					

**Phụ lục 9**

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-STNMT ngày tháng năm 2021  
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng... năm.....

**DANH SÁCH**

**Tuyến đường có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa,  
cây cảnh toàn tuyến**

TT	Tên tuyến đường	Địa chỉ (ấp)	Kết quả thực hiện		Ghi chú
			Đạt	Không đạt	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
...					
n					
	<b>Tổng cộng</b>				

- *Cột 2: Cập nhật tất cả các tuyến đường trên địa bàn xã*
- *Cột 4, 5: qua kết quả kiểm tra, đánh dấu x vào cột tương ứng*

**Phụ lục 10**

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-STNMT ngày tháng năm 2021  
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng... năm.....

**DANH SÁCH**

**Hộ dân xây dựng cảnh quan môi trường, nơi ở sáng – xanh – sạch – đẹp**

TT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ (ấp)	Kết quả thực hiện		Ghi chú
			Đạt	Không đạt	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
...					
n					
	<b>Tổng cộng</b>				

- *Cột 2: Cập nhật tất cả hộ gia đình trên địa bàn xã*
- *Cột 4, 5: qua kết quả kiểm tra xây dựng cảnh quan môi trường, nơi ở, đánh dấu x vào cột tương ứng*